

Số: /BC-UBND

Lâm Đồng, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 của Thủ tướng

Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Lâm Đồng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026;

Thực hiện Thông báo số 175/TB-TTHĐND ngày 26/12/2025 về kết luận Phiên họp thứ 55 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2026.

UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và xem xét thông qua Nghị quyết kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2026, cụ thể như sau:

PHẦN A

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 VÀ GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025, đồng thời là năm triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Đây cũng là năm chuẩn bị cho việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 và Văn kiện trình Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

Trong bối cảnh đó, việc tổ chức thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 có ý nghĩa quan trọng, vừa nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025, vừa tạo nền tảng, dư địa và không gian phát triển mới cho giai đoạn 2026-2030. Bên cạnh những thuận lợi từ chủ trương, chính sách của Trung ương, tỉnh phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như: Biến động giá nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; vướng mắc trong công tác quy hoạch, đất đai, giải phóng mặt bằng; quá trình sắp xếp đơn vị hành chính làm thay đổi phạm vi, địa giới và cơ quan chủ đầu tư một số dự án; năng lực một bộ phận chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, nhà thầu còn hạn chế; tình hình mưa lũ kéo dài và sạt lở đất diễn ra nghiêm trọng.

Trong điều kiện đó, với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự điều hành, phối hợp của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành, địa phương, đặc biệt là nỗ lực của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tình hình triển khai kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 đã đạt được một số kết quả tích cực, đồng thời bộc lộ những tồn tại, hạn chế cần được nhận diện rõ để có giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

I. Quy mô, cơ cấu kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025

1. Quy mô kế hoạch vốn

1.1. Để xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, ngày 27/6/2025 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 để thực hiện các nhiệm vụ, dự án với tổng số tiền là 19.668.606 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách địa phương: 9.815.930 triệu đồng (*gồm: Phân cấp theo tiêu chí định mức 1.669.830 triệu đồng, nguồn sử dụng đất 3.760.000 triệu đồng; nguồn xổ số kiến thiết 4.310.000 triệu đồng; nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại 76.100 triệu đồng*).

b) Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước): 9.503.315 triệu đồng, gồm:

- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ: 8.059.515 triệu đồng.
- Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.443.800 tỷ đồng.

c) Vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài): 349.361 triệu đồng.

1.2. Tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 14/11/2025, HĐND tỉnh Lâm Đồng đã giao tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 là 24.047.253 triệu đồng, trong đó ngân sách địa phương tăng thêm so với số Trung ương giao là 4.378.647 triệu đồng, bao gồm:

a) Ngân sách địa phương là 14.194.577 triệu đồng;

b) Ngân sách trung ương là 9.852.676 triệu đồng. Trong đó: Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là 1.443.800 triệu đồng; Kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ là 8.408.876 triệu đồng (trong đó: Vốn ngoài nước là 349.361 triệu đồng; vốn trong nước là 8.059.515 triệu đồng).

2. Cơ cấu vốn theo nguồn và theo phạm vi quản lý

Về cơ cấu nguồn vốn, kế hoạch năm 2025 tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn ngân sách địa phương chiếm khoảng 59%, vốn ngân sách trung ương chiếm khoảng 41%. Cơ cấu này phản ánh vai trò hỗ trợ quan trọng của ngân sách trung ương đối với các dự án trọng điểm, liên kết vùng, các Chương trình mục tiêu quốc gia và lĩnh vực an sinh xã hội trên toàn địa bàn tỉnh Lâm Đồng mới.

Về phạm vi quản lý, sau sắp xếp đơn vị hành chính, toàn bộ kế hoạch vốn năm 2025 của các huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ) và Bình Thuận (cũ) được cập nhật, nhập nguyên trạng vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của tỉnh Lâm Đồng. Việc cập nhật này mang tính kỹ thuật, không làm phát sinh nhu cầu vốn mới, nhưng làm tăng quy mô kế hoạch vốn do tinh giản lý, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực tổng hợp, điều hành, giám sát của các cơ quan chức năng cấp tỉnh.

II. Tình hình thực hiện năm 2025

1. Công tác phân bổ và giao kế hoạch

Trên cơ sở số vốn kế hoạch năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao và Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định phân bổ, giao chi tiết kế hoạch vốn cho từng dự án, nhiệm vụ. Tổng số đã phân bổ chi tiết là 23.622.436 triệu đồng, đạt 98,23% kế hoạch; phần còn lại 424.817 triệu đồng (tương ứng 1,77% kế hoạch) chưa phân bổ do đang tiếp tục rà soát, hoàn thiện thủ tục đầu tư và sẽ được trình cấp thẩm quyền quyết định, thông báo sau. Cụ thể:

1.1. Ngân sách địa phương, đã giao chi tiết 14.082.162 triệu đồng, đạt 99,21% kế hoạch; còn 112.415 triệu đồng chưa đủ điều kiện pháp lý để phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định 254/2025/NĐ-CP, bao gồm: 47.098 triệu đồng để thực hiện Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng¹, 30.000 triệu đồng của Đề án giao thông nông thôn (Bình Thuận trước sáp nhập)², 35.317 triệu đồng của nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư³.

1.2. Vốn ngân sách trung ương (trong nước và ngoài nước): Đã giao chi tiết đủ 9.540.274 triệu đồng, đạt 96,82% kế hoạch, còn 312.402 triệu đồng chưa phân bổ (*nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2014*)⁴.

Quá trình phân bổ, giao kế hoạch được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, gắn với kết quả giải ngân các năm trước và khả năng thực hiện của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

2. Kết quả giải ngân

2.1. Tính đến ngày 19/12/2025, tổng số vốn giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 và kế hoạch năm 2024 được kéo dài sang năm 2025 đạt 10.670 tỷ đồng /24.047,3 tỷ đồng, tương đương 44,3% kế hoạch. Mức giải ngân tuy đã có chuyển biến so với đầu năm nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu, đặc

¹ Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng sau sáp nhập là quy hoạch tổng thể cấp tỉnh và thuộc phạm vi phải bố trí từ kế hoạch đầu tư công. Tuy nhiên, đến nay dự toán nhiệm vụ quy hoạch đang trong quá trình thẩm định, chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt; danh mục sản phẩm, khối lượng và định mức chi phí chưa hoàn thiện; việc sáp nhập cũng làm thay đổi phạm vi và khối lượng thực hiện. Do chưa đủ hồ sơ pháp lý để phân bổ.

² Trước sáp nhập, đề án được xây dựng theo hệ thống phân cấp và tiêu chí riêng; sau sáp nhập, quá trình chuẩn hóa thông tin, rà soát phạm vi và khối lượng đầu tư đang được thực hiện nhưng chưa hoàn tất. Nhiều nội dung mới dừng ở mức chủ trương, chưa có danh mục công trình cụ thể, tổng mức đầu tư, dự toán, hồ sơ thiết kế – dự toán và tiến độ triển khai. Bên cạnh đó, việc bỏ cấp huyện làm thay đổi mô hình quản lý dự án, chưa xác định được chủ đầu tư phù hợp.

³ Hiện nay, các cơ quan chủ quản mới gửi đề xuất sơ bộ về danh mục dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026–2030; phần lớn hồ sơ còn thiếu các tài liệu bắt buộc như báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, sự phù hợp quy hoạch, hồ sơ khảo sát sơ bộ và căn cứ đánh giá nhu cầu đầu tư. Việc phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cũng phải gắn với danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030, danh mục này hiện đang được rà soát và thẩm định, chưa được phê duyệt chính thức. Ngoài ra, trong số 35.317 tỷ đồng nêu trên có một phần là vốn chuẩn bị đầu tư của các tỉnh, huyện, thị xã cũ chuyển sang sau sáp nhập nhưng không được bố trí lại trong danh mục kế hoạch vốn năm 2025, do phải chờ hoàn tất việc rà soát, điều chuyển và thống nhất phương thức quản lý mới trước khi có thể phân bổ theo quy định.

⁴ Qua rà soát, dự án Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng đến thời điểm hiện nay chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư theo quy định. Do đó, dự án chưa đảm bảo đủ điều kiện giao kế hoạch vốn năm 2025 Theo quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công và khoản 24 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung khoản khoản 1 Điều 56 Luật Đầu tư công).

biệt đối với phần vốn kế hoạch năm 2024 kéo dài sang năm 2025. Trong đó:

a) Kế hoạch vốn năm 2025 đã giải ngân 9.799 tỷ đồng/19.580,7 tỷ đồng, đạt 46,7% kế hoạch.

b) Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 đã giải ngân 586 tỷ đồng/2.548 tỷ đồng, đạt 22,02% kế hoạch. Phản ánh tiến độ giải ngân đối với các dự án chuyển tiếp còn chậm, chủ yếu do vướng mắc về giải phóng mặt bằng và tổ chức thực hiện sau sáp nhập đơn vị hành chính.

c) Các Chương trình mục tiêu quốc gia, tổng số vốn giải ngân đạt 950 tỷ đồng/1.919 tỷ đồng, tương đương 49,5% kế hoạch; nhìn chung tiến độ giải ngân cao hơn mức bình quân chung, song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, nhất là đối với một số chương trình, dự án triển khai tại cơ sở.

2.2. Ước thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025

Mặc dù tỷ lệ giải ngân đến ngày 19/12/2025 mới đạt 44,3% kế hoạch, tuy nhiên phần lớn khối lượng giải ngân tập trung vào giai đoạn cuối năm đối với các dự án có quy mô lớn, đặc biệt là các dự án giao thông, dự án cao tốc.

Trên cơ sở tiến độ thực hiện thực tế, khối lượng đã hoàn thành, hồ sơ thanh toán đang được hoàn thiện và kế hoạch giải ngân chi tiết của từng chủ đầu tư, UBND tỉnh phân đấu thực hiện giải ngân cả năm 2025 đạt khoảng 90% kế hoạch, kết quả thực hiện phụ thuộc lớn vào tiến độ giải phóng mặt bằng và hoàn tất thủ tục nghiệm thu, thanh toán tại các dự án trọng điểm. Trong đó:

a) Vốn ngân sách địa phương ước đạt 90%.

b) Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (vốn trong nước) ước đạt 90%.

c) Vốn ngân sách trung ương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia ước đạt 90%.

d) Vốn ngoài nước ước đạt 95%.

3. Tình hình thực hiện theo ngành, lĩnh vực

3.1. Năm 2025, lĩnh vực Giáo dục, đào tạo được bố trí 1.202.350 triệu đồng, chiếm 5,43% tổng kế hoạch vốn đầu tư công của tỉnh, phù hợp với cơ cấu phân bổ theo lĩnh vực đã được quyết định. Nguồn vốn chủ yếu từ xổ số kiến thiết, tập trung cho nâng cấp, xây mới phòng học và bổ sung trang thiết bị dạy học. Qua triển khai, điều kiện cơ sở vật chất giáo dục từng bước được cải thiện theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi nguồn vốn đã bố trí, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, nhất là tại các khu vực còn khó khăn.

3.2. Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 của lĩnh vực Khoa học và công nghệ là 136.968 triệu đồng, chiếm 0,68% tổng kế hoạch vốn, phản ánh đúng đặc thù lĩnh vực có nhu cầu đầu tư xây dựng cơ bản không lớn. Nguồn vốn được sử dụng cho các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ theo danh mục, kế hoạch đã được phê duyệt.

3.3. Lĩnh vực y tế được bố trí 281.339 triệu đồng, chiếm 1,27% tổng kế hoạch vốn. Việc triển khai tập trung vào đầu tư, mua sắm trang thiết bị y tế cho

các cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh và tuyến huyện. Mức đầu tư này góp phần đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong phạm vi kế hoạch vốn được bố trí, phù hợp với cơ cấu phân bổ vốn theo lĩnh vực.

3.4. Lĩnh vực văn hóa, thể thao được bố trí 172.218 triệu đồng, chiếm 0,69% tổng kế hoạch vốn. Nguồn vốn được sử dụng cho đầu tư hạ tầng văn hóa, thể thao và bảo tồn di sản theo kế hoạch, tương ứng với tỷ trọng vốn đã được phân bổ.

3.5. Kế hoạch vốn năm 2025 của Quốc phòng – An ninh là 241.508 triệu đồng, chiếm 1,09% tổng kế hoạch vốn. Việc triển khai tập trung cho xây dựng, củng cố các công trình quốc phòng – an ninh, phù hợp với cơ cấu phân bổ vốn theo lĩnh vực đã được HĐND tỉnh quyết định, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

3.6. Kế hoạch vốn năm 2025 của lĩnh vực kinh tế như sau:

a) Lĩnh vực giao thông được bố trí 8.036.473 triệu đồng, chiếm 38,23% tổng kế hoạch vốn, là lĩnh vực có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu phân bổ. Nguồn vốn được triển khai cho các dự án giao thông trọng điểm, gồm các tuyến cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ và hạ tầng giao thông nông thôn theo kế hoạch. Tiến độ thực hiện và giải ngân của lĩnh vực này có tác động quyết định đến kết quả giải ngân chung của toàn tỉnh, phù hợp với quy mô vốn đã bố trí.

b) Lĩnh vực nông nghiệp được bố trí là 1.867.925 triệu đồng, chiếm 8,45% tổng kế hoạch vốn. Nguồn vốn được triển khai cho các công trình thủy lợi, kè bảo vệ, khu neo đậu tàu thuyền theo danh mục đã được phê duyệt. Việc thực hiện phù hợp với định hướng đầu tư hạ tầng nông nghiệp trong cơ cấu phân bổ chung, góp phần cải thiện điều kiện sản xuất và sinh kế nông thôn.

Nhìn chung, tiến độ giải ngân của các lĩnh vực có quy mô vốn lớn, đặc biệt là giao thông, có tác động chi phối đến kết quả giải ngân chung của toàn tỉnh.

4. Các khó khăn, vướng mắc

Việc triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2025 trên địa bàn tỉnh tiếp tục gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn. Một số dự án đầu tư nằm trong quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dẫn đến hạn chế trong việc triển khai các thủ tục đầu tư và thi công; việc cấp phép khai thác đất làm vật liệu san lấp tại các khu vực đã được quy hoạch khoáng sản còn nhiều vướng mắc. Bên cạnh đó, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại nhiều dự án chậm triển khai, cùng với điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp, mưa nhiều và kéo dài, đã tác động bất lợi đến tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công.

Đáng chú ý, trong kế hoạch đầu tư công năm 2025, tỉnh đang triển khai 03 dự án đường bộ cao tốc, với tổng kế hoạch vốn bố trí là 5.512.269 triệu đồng, chiếm khoảng 23% tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, gồm: (i) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc – Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1) với kế hoạch vốn 3.638.586 triệu đồng; (ii) Dự án

xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (Đồng Nai) – Bảo Lộc (Lâm Đồng) với kế hoạch vốn 1.583.683 triệu đồng; (iii) Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Tây, đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước) với kế hoạch vốn 290.000 triệu đồng. Tuy nhiên, tiến độ bàn giao mặt bằng để thi công tại các dự án này còn chậm, dẫn đến khả năng giải ngân không đạt toàn bộ kế hoạch vốn đã bố trí trong năm 2025, qua đó ảnh hưởng lớn đến kết quả giải ngân chung của toàn tỉnh.

Trên cơ sở các khó khăn, vướng mắc nêu trên, UBND tỉnh nhận định mục tiêu giải ngân khoảng 90% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 là mục tiêu có tính thách thức cao, phụ thuộc lớn vào tiến độ giải phóng mặt bằng tại các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án cao tốc, và khả năng hoàn tất thủ tục nghiệm thu, thanh toán trong thời gian còn lại của năm.

III. Đánh giá chung năm 2025

1. Kết quả đạt được

1.1. Công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 được triển khai cơ bản kịp thời, bám sát chủ trương, định hướng, ưu tiên của Trung ương và của tỉnh; bảo đảm tập trung cho các dự án quan trọng, cấp bách, có tác động lan tỏa lớn.

1.2. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 ước đạt khá, trong bối cảnh nhiều khó khăn, thể hiện sự nỗ lực lớn của các cấp, các ngành, các chủ đầu tư. Nguồn vốn được sử dụng cơ bản đúng mục đích, đúng chế độ, góp phần quan trọng vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

1.3. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác đầu tư công từng bước được nâng cao; kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, sử dụng vốn được tăng cường.

1.4. Thông qua quá trình triển khai, nhiều khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, thủ tục đầu tư, quy hoạch, đất đai đã được rà soát, kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung; qua đó góp phần hoàn thiện môi trường pháp lý, nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công trong giai đoạn tới.

2. Hạn chế, tồn tại: Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế, tồn tại chủ yếu sau:

2.1. Tiến độ thực hiện và giải ngân một số dự án, đặc biệt là các dự án giao thông lớn, dự án có khối lượng giải phóng mặt bằng lớn còn chậm so với yêu cầu.

2.2. Một số dự án chưa tuân thủ đầy đủ quy trình chuẩn bị đầu tư, phải điều chỉnh chủ trương, điều chỉnh dự án, làm kéo dài thời gian thực hiện, phát sinh chi phí.

2.3. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư còn nhiều khó khăn; việc tuyên truyền, vận động, tạo đồng thuận trong nhân dân chưa thật sự sâu rộng, linh hoạt.

2.4. Năng lực một số chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn, nhà thầu chưa đáp ứng yêu cầu; việc phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong xử lý vướng mắc đôi khi còn thiếu kịp thời, chưa thật sự chủ động.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

a) Hệ thống pháp luật về đầu tư công, đất đai, xây dựng, đấu thầu, khoáng sản tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, dẫn đến có giai đoạn phải chờ văn bản hướng dẫn.

b) Giá nguyên vật liệu, vật tư xây dựng biến động, nhiều thời điểm tăng cao, ảnh hưởng đến lập, thẩm định, phê duyệt tổng mức đầu tư và tổ chức lựa chọn nhà thầu, thi công.

c) Công tác quy hoạch, nhất là quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khoáng sản ở một số khu vực còn chưa đồng bộ, gây khó khăn trong xác định mỏ vật liệu, vị trí bãi đổ thải, hướng tuyến.

d) Quá trình sắp xếp đơn vị hành chính quy mô lớn, thay đổi phạm vi, địa giới hành chính, cơ quan chủ đầu tư, làm tăng khối lượng công việc tổng hợp, điều chỉnh, cập nhật kế hoạch đầu tư công.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

a) Công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án chưa kỹ, khảo sát, thiết kế sơ bộ chưa đảm bảo, phải điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

b) Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đầu tư công chưa theo kịp yêu cầu mới; một số nơi còn tâm lý e ngại, sợ sai, chưa mạnh dạn đề xuất giải pháp, phương án xử lý.

c) Công tác kiểm tra, giám sát của một số cơ quan chưa thường xuyên, chưa kịp thời phát hiện, chấn chỉnh tồn tại, hạn chế ngay từ đầu.

4. Bài học kinh nghiệm

Từ kết quả và hạn chế nêu trên, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu:

4.1. Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công phải bám sát Chiến lược phát triển, Quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gắn với khả năng huy động, cân đối nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện, tránh dàn trải, manh mún.

4.2. Phải coi trọng và nâng cao chất lượng khâu chuẩn bị đầu tư; khâu này tốt sẽ hạn chế điều chỉnh, rút ngắn thời gian thực hiện, giảm phát sinh chi phí, nâng cao hiệu quả dự án.

4.3. Đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác đầu tư công, nhất là cán bộ cấp xã. Cần phân công, phân cấp, ủy quyền hợp lý gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật, kỷ cương, thiếu trách nhiệm trong

quản lý đầu tư công.

4.4. Phải quan tâm đúng mức tới công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, nhất là cấp ủy, chính quyền cơ sở.

4.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý đầu tư công, từ khâu chuẩn bị, thực hiện đến nghiệm thu, thanh toán, quyết toán; từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, báo cáo trực tuyến, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả giám sát xã hội.

IV. Giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ những tháng cuối năm 2025

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025, Đảng ủy UBND tỉnh sẽ lãnh đạo UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các chủ đầu tư tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện, phát huy vai trò người đứng đầu, tinh thần chủ động, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm sau:

1. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, công điện và văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công; xác định giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

2. Rà soát toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao; đánh giá cụ thể tiến độ thực hiện từng nội dung, từng dự án, xác định rõ những việc đã làm, đang làm và chưa hoàn thành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai gắn với lộ trình, tiến độ và trách nhiệm cụ thể, chủ động xử lý các nội dung thuộc thẩm quyền, không chờ chỉ đạo từ cấp trên.

3. Quyết liệt, chủ động xử lý, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện phân công, phối hợp rõ ràng về thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư, triển khai dự án và giải ngân kế hoạch vốn.

4. Tăng cường theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện và giải ngân, tổ chức tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng tuần, hằng tháng đối với các khó khăn, vướng mắc phát sinh theo từng dự án; đề xuất biện pháp xử lý cụ thể theo từng nhóm vấn đề, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian và rõ kết quả. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị chậm trễ, thiếu phối hợp, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn.

5. Đối với các dự án trọng điểm và dự án quy mô lớn, tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt hơn, trong đó: (i) Chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý và phù hợp thực tế; (ii) Đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công, bám sát tiến độ cam kết, kịp thời tăng cường nhân lực, thiết bị khi cần thiết; (iii)

Hoàn thành việc xây dựng giá đất cụ thể làm cơ sở lập, thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; (iv) Các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của người dân trong bàn giao mặt bằng, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện dự án và nâng cao hiệu quả giải ngân kế hoạch vốn.

B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Tổng quan bối cảnh triển khai

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được triển khai trong bối cảnh có nhiều biến động, bao gồm:

1. Hệ thống pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng, đất đai, đấu thầu... được sửa đổi, bổ sung liên tục; nhiều luật mới có hiệu lực giữa kỳ, yêu cầu các địa phương phải thường xuyên rà soát, điều chỉnh hồ sơ dự án, quy trình chuẩn bị và triển khai đầu tư để bảo đảm tuân thủ.

2. Hai năm đầu giai đoạn chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19; thị trường vật liệu xây dựng biến động giá, cục bộ khan hiếm nguồn cung, làm tăng tổng mức đầu tư, phải điều chỉnh thiết kế, kéo dài thời gian thực hiện một số dự án.

3. Việc hợp nhất không gian ba tỉnh (Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Thuận) thành tỉnh Lâm Đồng mới, đồng thời tổ chức lại mô hình chính quyền theo hai cấp (tỉnh - xã) đã làm thay đổi căn bản phạm vi quản lý đầu tư công, khối lượng nhiệm vụ chi, số lượng và tính chất danh mục dự án. Tỉnh phải tiếp nhận toàn bộ danh mục, kế hoạch vốn, hồ sơ dự án dở dang của cấp huyện, cấp xã cũ; đồng thời, khởi động các nhiệm vụ đầu tư động lực mới theo quy hoạch, chiến lược phát triển không gian sau hợp nhất.

Trong bối cảnh đó, việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 không chỉ là tổng kết một chu kỳ mà còn là bước rà soát, chuẩn hóa quan trọng, làm cơ sở cho việc xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo hướng tập trung, trọng điểm, bảo đảm khả năng cân đối và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

II. Quy mô và cơ cấu của Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021–2025

1. Quy mô tổng thể

Trên cơ sở các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh, tổng quy mô Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021–2025 của tỉnh Lâm Đồng sau hợp nhất là 78.952 tỷ đồng, bao gồm: (1) Ngân sách Trung ương hỗ trợ của ba tỉnh trong giai đoạn 2021–2025 là 21.431 tỷ đồng; (2) Phần cấp nhật kế hoạch trung hạn khi sáp nhập tỉnh và bỏ cấp huyện là 57.521 tỷ đồng, trong đó: (i) Kế hoạch trung hạn ban đầu (chỉ tính phần kế hoạch thuộc không gian tỉnh Lâm Đồng cũ) là 54.238

tỷ đồng⁵; (ii) nhập nguyên trạng kế hoạch vốn trung hạn, kế hoạch vốn năm 2025 của cấp huyện, cấp xã (trước sắp xếp) vào kế hoạch trung hạn cấp tỉnh là 3.282 tỷ đồng⁶.

Việc cập nhật danh mục và vốn sau hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc giữ nguyên trạng về danh mục, tiến độ và cơ cấu nguồn vốn của các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không làm phát sinh nhu cầu vốn mới, chủ yếu là kỹ thuật hợp nhất và chuyển đổi cấp ngân sách quản lý.

2. Cơ cấu nguồn vốn

2.1. Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ của 03 tỉnh là 21.431 tỷ đồng, chiếm khoảng 27% tổng kế hoạch. Trong đó: Vốn trong nước là 19.332 tỷ đồng và vốn nước ngoài (ODA) là 2.099 tỷ đồng.

Vốn NSTW hỗ trợ có tính chất định hướng - dẫn dắt, đóng vai trò trụ cột để triển khai các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án kết nối vùng - liên kết vùng, giao thông liên tỉnh. Giai đoạn 2021-2025, đã ưu tiên cho các dự án trọng điểm, đặc biệt là nhóm giao thông kết nối vùng, gồm: Cao tốc Tân Phú – Bảo Lộc (PPP); Đường Đạo Nghĩa – Quảng Khê (giai đoạn 2); Hồ chứa nước Ka Pét (tỉnh Bình Thuận cũ); các dự án ODA thủy lợi, nước sạch.

2.2. Ngân sách địa phương là 57.521 tỷ đồng, chiếm 73% tổng kế hoạch, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách tập trung là 14.687 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung của tỉnh theo phân cấp là 9.901 tỷ đồng.

- Đồng thời, để tăng tính linh hoạt trong sử dụng nguồn vốn và không để xảy ra tình trạng “giật cục” vốn, “điều phối” nguồn lực, trong giai đoạn đã thực hiện bổ sung thêm từ tăng thu - tiết kiệm chi và các nguồn khác khoảng 4.786 tỷ đồng để bổ sung vốn đối ứng, hoàn thành dự án dở dang, giải quyết các phát sinh cấp bách; trong đó, đa phần là bố trí cho giao thông nông thôn, trường học, nhà văn hóa, hạ tầng nhỏ lẻ.

b) Nguồn thu sử dụng đất là 24.155 tỷ đồng, mang tính “then chốt” để bố trí vốn cho GPMB, phát triển quỹ đất, hạ tầng đô thị.

c) Nguồn xổ số kiến thiết là 16.796 tỷ đồng, mang tính ổn định và đóng vai trò “trụ vững” trong bố trí cho y tế, giáo dục, văn hóa - xã hội.

d) Nguồn vốn vay lại ODA (bội chi) khoảng 1.180 tỷ đồng, tập trung cho các lĩnh vực thủy lợi - nông nghiệp, cải thiện hạ tầng vùng khó khăn, công trình nước sạch.

⁵ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc tiếp nhận toàn bộ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021–2025 của 03 địa phương trước khi sáp nhập là 54. 54.238 tỷ đồng.

⁶ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách địa phương.

Trong cơ cấu này, nguồn thu sử dụng đất giữ vai trò quan trọng nhưng tiềm ẩn rủi ro biến động theo chu kỳ thị trường bất động sản; vốn vay lại ODA có tỷ trọng nhỏ nhưng yêu cầu kỷ luật giải ngân và chuẩn bị đầu tư cao.

3. Phân theo loại dự án

3.1. Dự án chuyển tiếp (2016-2020 sang 2021-2025) chiếm tỷ trọng khoảng 65,7%, tương ứng là 51.879 tỷ đồng, chủ yếu do số lượng và quy mô các dự án trọng điểm, dự án giao thông – thủy lợi – đô thị được khởi công trước năm 2021 tại cả ba tỉnh, nhiều dự án có tính chất liên vùng, tổng mức đầu tư lớn và yêu cầu bố trí vốn kéo dài qua nhiều kỳ kế hoạch.

3.2. Dự án khởi công mới chiếm tỷ trọng khoảng 24,3%, tương ứng là 19.179 tỷ đồng, phản ánh nhu cầu triển khai các nhiệm vụ đầu tư theo quy hoạch đô thị, quy hoạch ngành, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, an sinh xã hội và các dự án phục vụ dân sinh cấp thiết tại địa bàn sau sáp nhập.

3.3. Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, quy hoạch và hỗ trợ kỹ thuật chiếm tỷ trọng khoảng 10%, tương ứng là 7.895 tỷ đồng, đảm bảo yêu cầu hoàn thiện hệ thống quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021–2030, quy hoạch đô thị, quy hoạch ngành, chuẩn bị danh mục dự án đủ điều kiện khởi công mới giai đoạn sau và nâng cao chất lượng chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Cơ cấu vốn kế hoạch được định hướng tập trung, ưu tiên cho kết cấu hạ tầng trọng yếu, cụ thể:

4.1. Lĩnh vực giao thông chiếm khoảng 38% tổng vốn, tương ứng khoảng 30.005 tỷ đồng, tập trung cho các trục động lực, đường tỉnh, đường liên huyện, các tuyến kết nối vùng và hạ tầng giao thông đô thị, giao thông nông thôn.

4.2. Lĩnh vực y tế, giáo dục và giáo dục nghề nghiệp chiếm khoảng 16% tổng vốn, tương ứng khoảng 12.632 tỷ đồng, ưu tiên đầu tư bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn.

4.3. Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi, môi trường chiếm khoảng 15% tổng vốn, tương ứng khoảng 11.843 tỷ đồng, chủ yếu cho các hồ chứa, công trình thủy lợi, kè chống sạt lở, tiêu thoát lũ, cấp nước sinh hoạt và các dự án bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

4.4. Hạ tầng đô thị, tái định cư và phát triển quỹ đất chiếm khoảng 13% tổng vốn, tương ứng khoảng 10.260 tỷ đồng, tập trung cho các dự án giải phóng mặt bằng, khu tái định cư, hạ tầng khu dân cư, chỉnh trang và mở rộng không gian các đô thị động lực.

4.5. Các lĩnh vực khác (Văn hóa, thể thao, Khoa học – công nghệ, Quốc phòng – an ninh, Quản lý hành chính nhà nước,...) chiếm khoảng 11% tổng vốn, tương ứng khoảng 8.685 tỷ đồng, góp phần hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng xã hội, bảo đảm an sinh và quốc phòng – an ninh trên địa bàn.

5. Tổng phần vốn bố trí theo cơ chế phân cấp cho cấp huyện, xã (trước khi hợp nhất và bỏ cấp huyện) khoảng 20.386 tỷ đồng, chiếm khoảng 37,6% tổng

quy mô kế hoạch. Tỷ lệ này cao so với mô hình chính quyền hai cấp hiện nay, phản ánh đặc thù giai đoạn trước là phân cấp mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ, mạnh mún về cho cấp huyện, xã. Sau hợp nhất, toàn bộ phần vốn và danh mục dự án phân cấp này được chuyển về tỉnh quản lý, tạo ra hai vấn đề lớn: Khối lượng hồ sơ cần rà soát, chuẩn hóa rất lớn, nhiều dự án thiếu, chưa đầy đủ thủ tục đầu tư công theo quy định mới; cần đánh giá lại mức độ phù hợp của việc duy trì tỷ trọng vốn phân tán, giảm mạnh mún tại cấp xã.

III. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025

1. Việc bố trí, phân bổ vốn và kết quả giải ngân

Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã thực hiện phân bổ vốn đầu tư công hằng năm trên cơ sở bám sát kế hoạch trung hạn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và chỉ tiêu Trung ương giao, bảo đảm quy trình, thẩm quyền theo Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước. Với nguyên tắc xuyên suốt: (i) Ưu tiên bố trí vốn cho dự án chuyển tiếp, dự án hoàn thành trong kỳ, dự án trọng điểm, động lực theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, cấp bách về quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai; (ii) Hạn chế tối đa khởi công mới dự án không thật sự cần thiết, chưa đủ thủ tục, khả năng cân đối vốn; (iii) Kết hợp điều chỉnh kế hoạch linh hoạt trong năm theo tốc độ giải ngân thực tế và tình hình triển khai của từng dự án.

Ước đến hết năm 2025, tỷ lệ giải ngân bình quân cả giai đoạn đạt khoảng 92% kế hoạch, trong đó: Nguồn NSTW giải ngân khoảng 89,5%, theo đó vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài có tỷ lệ thấp hơn do phụ thuộc thủ tục đàm phán, điều chỉnh hiệp định, thiết kế, đơn giá; Nguồn NSDP giải ngân khoảng 95,7%, phản ánh tính chủ động hơn của địa phương trong điều hành và bố trí vốn.

Nhìn chung, kết quả giải ngân đạt mức khá, bảo đảm không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới, nhưng chưa đạt yêu cầu “giải ngân tối đa kế hoạch vốn” từng năm đối với một số nhóm dự án, nhất là ODA.

2. Kết quả theo lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực giao thông - hạ tầng kỹ thuật

Đã tập trung vốn cho các trục giao thông động lực, các tuyến kết nối vùng, đường tỉnh, đường liên xã, giao thông nông thôn và hạ tầng kỹ thuật đô thị; nâng cấp, mở rộng nhiều tuyến đường huyết mạch, cải thiện rõ rệt khả năng kết nối nội vùng và liên vùng.

Vốn bố trí cho lĩnh vực giao thông kết hợp NSTW, NSDP, nguồn thu sử dụng đất (phục vụ GPMB, quỹ đất hai bên tuyến), xỏ số kiến thiết và một phần nguồn vay lại ODA (đối với các dự án có thành phần thủy lợi – giao thông phụ trợ). Cơ cấu này giúp tận dụng được vai trò dẫn dắt của NSTW đồng thời phát huy được tính chủ động của địa phương.

2.2. Lĩnh vực y tế: Đã triển khai đầu tư mở rộng, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh, một số bệnh viện chuyên khoa và Trung tâm y tế huyện; cải tạo, nâng cấp nhiều trạm y tế xã; đầu tư một số hạng mục thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục

vụ khám, chữa bệnh. Nguồn vốn chủ yếu từ xổ số kiến thiết và ngân sách tập trung của tỉnh, kết hợp một phần NSTW hỗ trợ theo các chương trình mục tiêu và nhiệm vụ y tế – dân số. Một số dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư, tiến độ để phù hợp với quy mô dân số, nhu cầu dịch vụ sau hợp nhất và cập nhật các tiêu chuẩn chuyên ngành.

2.3. Lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp trường học các cấp, nhất là trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, trường vùng sâu, vùng xa; đầu tư phòng học, nhà đa năng, ký túc xá... nhằm đáp ứng nhu cầu học tập tăng lên sau hợp nhất địa bàn. Nguồn vốn chủ yếu từ xổ số kiến thiết, ngân sách địa phương và các Chương trình mục tiêu quốc gia. Việc đầu tư đã góp phần nâng tỷ lệ phòng học kiên cố, từng bước đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa cơ sở vật chất trường học.

2.4. Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi, phòng chống thiên tai, môi trường: Đã triển khai nhiều dự án hồ chứa nước, công trình thủy lợi, kè chống sạt lở, hệ thống tiêu thoát lũ, cấp nước sinh hoạt, dự án bảo vệ và phát triển rừng, xử lý rác thải, nước thải, ứng phó biến đổi khí hậu... Nguồn vốn kết hợp NSTW (nhất là vốn chương trình mục tiêu, vốn ODA thủy lợi, cấp nước), NSDP, vay lại ODA và một phần từ thu sử dụng đất, tạo ra mặt bằng hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và bảo vệ môi trường. Một số dự án ODA, dự án phức tạp về địa chất, địa hình phải điều chỉnh thiết kế, tổng mức đầu tư, ảnh hưởng tiến độ giải ngân.

2.5. Hạ tầng đô thị, tái định cư và phát triển quỹ đất: Ưu tiên bố trí vốn cho công tác giải phóng mặt bằng, khu tái định cư, hạ tầng khu dân cư mới, khu hành chính tập trung, chỉnh trang đô thị tại Đà Lạt, Bảo Lộc, Gia Nghĩa và các đô thị động lực khác. Nguồn vốn chủ yếu từ thu sử dụng đất, kết hợp NSDP và một phần NSTW hỗ trợ. Hoạt động đầu tư đồng thời tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá, bổ sung nguồn thu cho ngân sách.

2.6. Các lĩnh vực khác (văn hóa, thể thao, khoa học - công nghệ, quốc phòng - an ninh, quản lý hành chính nhà nước ...): Đã bố trí vốn thực hiện các công trình văn hóa, thể thao, trụ sở cơ quan nhà nước, công trình quốc phòng - an ninh theo nhiệm vụ được giao; triển khai một số dự án ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực. Quy mô vốn các lĩnh vực này không lớn nhưng góp phần hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng xã hội, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

3. Kết quả thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Lâm Đồng triển khai đồng bộ 3 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG). Các CTMTQG được triển khai trên nguyên tắc lồng ghép với kế hoạch đầu tư công trung hạn, kinh phí chi thường xuyên và các chính sách an sinh xã hội. Qua đó góp phần quan trọng thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh, cụ thể:

3.1. Về giảm nghèo bền vững

Tổng vốn đầu tư giao giai đoạn 2021-2025 khoảng 3.020 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân ước đạt khoảng 60,4%. Nguồn vốn này chủ yếu được bố trí cho hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất; hỗ trợ nhà ở, nước sinh hoạt; tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội; đào tạo nghề, tạo việc làm; các mô hình giảm nghèo bền vững tại vùng khó khăn.

Kết quả, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn tỉnh giảm từ khoảng 9,3% năm 2021 xuống còn khoảng 3,3% năm 2025, tốc độ giảm nghèo bình quân cao hơn mục tiêu chung cả nước. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân của Chương trình vẫn thấp hơn mức bình quân giải ngân đầu tư công của tỉnh, nguyên nhân chủ yếu do một số chính sách, dự án thành phần được ban hành, điều chỉnh chậm; quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án nhỏ lẻ còn phức tạp; năng lực tổ chức thực hiện ở cơ sở chưa đồng đều. Một bộ phận hộ nghèo, cận nghèo còn tâm lý trông chờ, ỷ lại.

3.2. Về xây dựng nông thôn mới

Tổng vốn đầu tư giao giai đoạn 2021-2025 khoảng 3.020 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân ước đạt khoảng 63,7%. Nguồn vốn CTMTQG được lồng ghép với vốn đầu tư công trung hạn, vốn sự nghiệp, vốn tín dụng và các nguồn lực xã hội hóa để tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn, hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện môi trường và đời sống văn hóa ở khu vực nông thôn.

Đến năm 2025, toàn tỉnh có 230/259 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ khoảng 88,8%, trong đó 61 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Tuy nhiên, tiến độ giải ngân một số dự án, công trình hạ tầng NTM còn chậm do vướng GPMB, quy hoạch, bố trí vốn đối ứng; việc huy động nguồn lực xã hội hóa ở một số địa bàn còn hạn chế. Tình trạng đề xuất công trình manh mún, dàn trải, chưa gắn chặt với quy hoạch và định hướng phát triển không gian mới sau hợp nhất vẫn còn, đòi hỏi phải tiếp tục sàng lọc, cơ cấu lại trong giai đoạn tới.

3.3. Về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Tổng vốn đầu tư giao giai đoạn 2021-2025 khoảng 2.099 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân ước đạt khoảng 56,1%. Đây là chương trình có phạm vi rộng, nội dung phức tạp, được triển khai lần đầu với nhiều dự án, tiểu dự án thành phần.

Chương trình tập trung vào đầu tư hạ tầng thiết yếu (đường giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, nhà sinh hoạt cộng đồng); hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc gắn với du lịch cộng đồng; đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân của Chương trình còn ở mức thấp; một số dự án, tiểu dự án chậm triển khai, phải điều chỉnh nhiều lần do vướng mắc về quỹ đất, bố trí dân cư, thủ tục đầu tư và phối hợp liên ngành. Việc tổ chức sản xuất, tạo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn; nguy cơ tái nghèo, nghèo phát sinh vẫn tiềm ẩn nếu không được tiếp tục hỗ trợ đồng bộ về hạ tầng, sản xuất, giáo dục và đào tạo nghề trong giai đoạn 2026-2030.

4. Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm giai đoạn 2021-2025

Tỉnh đã lựa chọn và tập trung chỉ đạo triển khai 34 dự án, công trình trọng điểm trên địa bàn giai đoạn 2021–2025. Các dự án trọng điểm chủ yếu thuộc các lĩnh vực giao thông, đô thị và công trình dân sinh thiết yếu.

Trong đó, nổi bật nhất là 3 dự án giao thông trọng yếu liên vùng đang triển khai trên địa bàn: (i) Dự án xây dựng cao tốc Tân Phú (Đồng Nai) – Bảo Lộc (Lâm Đồng); (ii) Dự án xây dựng cao tốc Bảo Lộc – Liên Khương; (iii) Dự án cao tốc Bắc – Nam phía Tây, đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước). Mỗi dự án có ý nghĩa chiến lược trong hoàn thiện mạng lưới kết nối vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế – du lịch cho Lâm Đồng và khu vực. Đến nay, các dự án này đều đang trong quá trình thực hiện tích cực. Công tác bồi thường GPMB các tuyến cao tốc được tỉnh đặc biệt ưu tiên. Nhờ cách làm quyết liệt, đến cuối 2025 tỉnh sẽ bàn giao được phần lớn mặt bằng sạch cho dự án, tạo tiền đề để khởi công các đoạn tuyến theo đúng tiến độ Chính phủ giao.

Bên cạnh giao thông, tỉnh cũng tập trung nguồn lực cho các dự án đô thị, hành chính trọng điểm:

4.1. Tại tỉnh Đắk Nông (cũ) có Dự án Quảng trường Trung tâm thành phố được triển khai với tổng mức đầu tư 400 tỷ đồng – đây là công trình trọng điểm về văn hóa và phục vụ sinh hoạt cộng đồng. Đến cuối năm 2025, dự án đã giải ngân được khoảng 263 tỷ đồng (đạt khoảng 65% giá trị), hiện nay chủ đầu tư đang đẩy nhanh tiến độ thi công hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan.

4.2. Tại thành phố Đà Lạt (cũ), các dự án⁷ được hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đã góp phần cải thiện diện mạo khu trung tâm thành phố. Ngoài ra, nhiều dự án trọng điểm khác phục vụ dân sinh đã hoàn thành như: Nhà máy cấp nước sinh hoạt Đà Lạt giai đoạn 2 (nâng công suất thêm 40.000 m³/ngày), Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Liên Nghĩa – Thạnh Mỹ (Đức Trọng)...

4.3. Tại Bình Thuận: Tiểu dự án giải phóng mặt bằng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (đợt 1); Tiểu dự án giải phóng mặt bằng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (đợt 1).

Đến nay đã có 02 dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; 17 dự án đã hoàn thành thủ tục và đang triển khai thi công (*Lâm Đồng (cũ) có 06 dự án, Bình Thuận (cũ) có 05 dự án và Đắk Nông (cũ) có 06 dự án*); 12 dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (*Lâm Đồng (cũ) có 08 dự án, Bình Thuận (cũ) có 04 dự án*); 03 dự án bị loại khỏi danh mục do thiếu quy hoạch, hạn chế nguồn lực và tính khả thi thấp. Tiến độ thực hiện đa số có chậm so với kế hoạch ban đầu do nhiều yếu tố khách quan (vướng GPMB, giá vật liệu tăng) nhưng đã có

⁷ Các Dự án: Mở rộng, nâng cấp đường Trần Quốc Toàn và khu vực hồ Xuân Hương; Xây dựng đường vành đai thành phố Đà Lạt; Xây dựng đường Cam Ly Phước Thành; Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.721 đoạn từ Km0+000 đến Km16+600 huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh; Nâng cấp, mở rộng đèo Prenn...

chuyển biến tích cực trong năm 2025. Tỉnh quyết tâm phấn đấu hoàn thành đúng mục tiêu các dự án trọng điểm, xem đây là những động lực trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế – xã hội giai đoạn tới.

5. Chấp hành quy định pháp luật về đầu tư công, ngân sách: Trong giai đoạn 2021–2025, tỉnh cơ bản thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn về trình tự lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư; lập, phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công. Công tác thẩm định, giám sát đầu tư được tăng cường; việc công khai, minh bạch thông tin về đầu tư công từng bước được cải thiện, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý.

IV. Đánh giá chung giai đoạn 2021-2025

1. Kết quả đạt được

1.1. Tỉnh đã chủ động, linh hoạt điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn trong bối cảnh nhiều khó khăn, bảo đảm cơ bản hoàn thành nhiệm vụ theo chỉ tiêu Trung ương giao, đồng thời thực hiện tốt việc tiếp nhận, hợp nhất danh mục, vốn đầu tư công sau sáp nhập.

1.2. Tỷ lệ giải ngân bình quân toàn giai đoạn đạt mức khá, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới; nhiều công trình, dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng, góp phần quan trọng cải thiện kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, đô thị, y tế, giáo dục.

1.3. Cơ cấu đầu tư công đã từng bước chuyển dịch theo hướng tập trung, trọng điểm, ưu tiên các dự án động lực, các lĩnh vực thiết yếu; hạn chế dàn trải, manh mún.

1.4. Đã hoàn thành việc chuẩn hóa, hợp nhất phần lớn dữ liệu đầu tư công từ cấp huyện, xã cũ về cấp tỉnh, tạo nền tảng cho quản lý tập trung trong mô hình hai cấp.

Những kết quả này là cơ sở quan trọng để tỉnh xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 theo hướng nâng cao chất lượng đầu tư, tăng hiệu quả sử dụng vốn, chuyển mạnh từ “đầu tư dàn trải” sang “đầu tư có trọng tâm, trọng điểm”.

2. Hạn chế, tồn tại: Bên cạnh kết quả đạt được, giai đoạn 2021–2025 còn một số hạn chế, tồn tại chủ yếu sau:

2.1. Tỷ lệ giải ngân vốn thấp, đến ngày 28/11/2025 ước đạt 51,9%.

2.2. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chưa kịp thời dẫn đến 01 số dự án khi được bố trí vốn nhưng chưa có mặt bằng sạch để thi công.

2.3. Chính sách pháp luật có nhiều thay đổi.

3. Nguyên nhân:

3.1. Khách quan:

a) Một số dự án hạ tầng lớn còn chậm tiến độ, nguyên nhân chủ yếu do vướng giải phóng mặt bằng, thay đổi quy hoạch, điều chỉnh thiết kế, biến động giá vật liệu, công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn.

b) Một số Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, PPP giải ngân chậm do thủ tục đàm phán, phê duyệt hiệp định, điều chỉnh dự án kéo dài; một số dự án phải gia hạn thời gian thực hiện.

c) Cơ cấu vốn phụ thuộc lớn vào nguồn thu sử dụng đất, việc không đạt dự toán thu từ đất khi thị trường bất động sản trầm lắng, dẫn đến khó khăn trong việc bố trí vốn cho GPMB, phát triển quỹ đất, đầu tư đô thị; tạo áp lực điều hành chi trong trung hạn.

d) Tỷ trọng vốn phân cấp cho cấp huyện/xã trong giai đoạn trước hợp nhất cao, trong khi đa số dự án có quy mô nhỏ, phân tán; sau khi chuyển về tỉnh quản lý đòi hỏi phải có bước sàng lọc, cơ cấu lại phù hợp với mô hình hai cấp (tỉnh – xã), tránh tiếp tục tình trạng manh mún, dàn trải.

e) Khối lượng hồ sơ chuyển giao từ cấp huyện, xã cũ lớn, nhiều dự án thiếu, chậm cập nhật hồ sơ pháp lý, làm kéo dài thời gian rà soát, chuẩn hóa, ảnh hưởng tiến độ tổng hợp, tham mưu điều chỉnh kế hoạch trung hạn 2021-2025 và xây dựng danh mục giai đoạn 2026–2030.

3.2. Chủ quan:

a) Công tác phối hợp trong đầu tư công của các sở, ngành và địa phương chưa được nhịp nhàng, thường xuyên, hiệu quả chưa cao;

b) Tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chưa được nêu cao;

c) Năng lực của một số đơn vị tư vấn còn yếu, sai sót trong việc lập các hồ sơ đầu tư dẫn đến phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định phê duyệt dự án đã làm chậm tiến độ thi công và giải ngân vốn của một số dự án;

d) Công tác tuyên truyền, vận động người dân trong bàn giao mặt bằng để thi công công trình chưa được hiệu quả.

4. Bài học kinh nghiệm

4.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải tập trung, xuyên suốt, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, nhất là các nút thắt về giải phóng mặt bằng, điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh TMĐT. Việc ban hành sớm các văn bản phân cấp, hướng dẫn nội bộ là điều kiện cần để nâng cao trách nhiệm và giảm chồng chéo trong tổ chức thực hiện.

4.2. Chất lượng chuẩn bị đầu tư là yếu tố quyết định hiệu quả dự án. Hồ sơ khảo sát, thiết kế – dự toán, đánh giá tác động môi trường phải được lập đầy đủ, bảo đảm tính chính xác, phù hợp với quy hoạch và pháp luật chuyên ngành. Công tác thẩm định phải tổ chức theo quy trình thống nhất, phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan.

4.3. Việc tổ chức thực hiện phải dựa trên năng lực Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án. Chủ đầu tư phải bảo đảm tiến độ, chất lượng, tuân thủ hợp đồng; kịp thời phối hợp với chính quyền địa phương trong giải phóng mặt bằng và xử lý phát sinh. Năng lực yếu kém, buông lỏng quản lý phải được chấn chỉnh.

4.4. Việc giao kế hoạch nhiều lần trong năm gây khó khăn cho triển khai. Điều chuyển vốn phải thực hiện linh hoạt, công khai, theo khả năng thực hiện của từng dự án.

4.5. Thực tiễn quản lý cho thấy để tăng tính minh bạch, giảm thời gian xử lý và hỗ trợ ra quyết định trong điều hành kế hoạch đầu tư công thì yêu cầu chuẩn hóa dữ liệu, chuyển đổi số phải được thực hiện ngay từ khâu chuẩn bị đầu tư để tránh đứt gãy thông tin và rủi ro pháp lý trong giai đoạn tiếp theo.

5. Các vấn đề “chuyển tiếp” phải giải quyết trong giai đoạn 2026–2030

5.1. Khối lượng dự án chuyển tiếp lớn, nhu cầu vốn cho các dự án cao tốc, giao thông kết nối vùng, dự án thủy lợi, y tế, giáo dục còn rất cao; nhiều dự án yêu cầu vốn đối ứng NSDP lớn, tạo áp lực cân đối nguồn trong giai đoạn 2026–2030.

5.2. Từ năm 2026, nguồn thu sử dụng đất phải chuyển về NSTW là 15%, làm giảm dư địa bố trí vốn đầu tư từ NSDP, đòi hỏi phải cơ cấu lại danh mục, siết chặt khởi công mới, tăng huy động các nguồn vốn ngoài NSNN (PPP, ODA...).

5.3. Nhiều dự án quy mô nhỏ, manh mún từ cấp huyện, xã trước sát nhập không còn phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển không gian sau hợp nhất; cần sàng lọc, dừng, giãn, điều chỉnh hoặc tích hợp thành các dự án liên xã, liên vùng để nâng hiệu quả.

PHẦN B

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

Năm 2026 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 và là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030, bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, tăng trưởng hai con số ngay từ năm 2026. Thử thách, các quy định pháp luật ngày càng hoàn thiện, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng thông thoáng, mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động hiệu quả.

Trong bối cảnh có những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, để thực hiện thắng lợi mục tiêu, yêu cầu tăng trưởng đặt ra, các cấp, các ngành, các địa phương phải tập trung cao độ, nỗ lực, quyết tâm nhiều hơn nữa, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa và phát huy sự chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm để thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, thực chất các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra. Tuy nhiên, nền kinh tế tỉnh ta vẫn còn những điểm nghẽn, nhiều khó khăn. Để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trong năm

2026, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2026 với quyết tâm cao nhất, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2026-2030 của tỉnh.

I. Căn cứ pháp lý và nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn

1. Căn cứ pháp lý

Việc xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2026 được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Kế hoạch đầu tư công năm 2026 được xây dựng trong bối cảnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 của địa phương đang được rà soát, hoàn thiện để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2024. Do đó, phương án phân bổ kế hoạch vốn năm 2026 được xác định trên cơ sở nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách địa phương, không vượt trần cân đối đầu tư công, không làm phát sinh cam kết vượt khung kế hoạch trung hạn, đồng thời bảo đảm tính kế thừa, liên tục của các dự án đang triển khai và không làm gián đoạn các nhiệm vụ đầu tư cần thiết.

Sau khi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 được cấp có thẩm quyền quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức rà soát, cập nhật và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 (nếu cần thiết) nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với kế hoạch trung hạn, thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn năm 2026

2.1. Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu còn), thu hồi vốn ứng trước theo đúng quy định trước khi bố trí cho các nhiệm vụ, dự án mới.

2.2. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2026, các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2.3. Bố trí đủ phần vốn của ngân sách địa phương tham gia thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; vốn đối ứng các dự án ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; phần tham gia của Nhà nước trong các dự án PPP; kinh phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng PPP trước hạn, thanh toán phần giảm doanh thu, thanh toán dự án BT bằng tiền theo quy định.

2.4. Phân bổ vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư, lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch; bảo đảm có quỹ dự án đủ điều kiện triển khai khi có điều kiện vốn.

2.5. Chỉ bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã hoàn thành thủ tục đầu tư, bảo đảm tiêu chí, thứ tự ưu tiên, phù hợp khả năng cân đối vốn và khả năng giải ngân trong năm.

II. Quy mô và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển

năm 2026

1. Quy mô và cơ cấu nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2026

Trên cơ sở mức vốn được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05/12/2025, Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển của tỉnh Lâm Đồng năm 2026 là 15.221.555 triệu đồng, trong đó:

1.1. Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu (không bao gồm vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia) là 2.008.555 triệu đồng, gồm: Vốn trong nước là 1.708.638 triệu đồng và Vốn ngoài nước là 299.917 triệu đồng.

1.2. Vốn ngân sách địa phương là 13.213.000 triệu đồng, tăng 980.100 triệu đồng so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, tăng tương ứng với nguồn thu ngân sách giao cao hơn so với dự toán của Trung ương giao, gồm:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 1.750.000 triệu đồng, tăng 30.100 triệu đồng so với dự toán trung ương giao.

Theo đó, sử dụng để bố trí trả nợ gốc là 40.600 triệu đồng; bố trí cho 31 dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn với tổng số tiền là 68.886 triệu đồng; bố trí cho 94 dự án chuyển tiếp với tổng số tiền là 1.103.014 triệu đồng; bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư là 100.000 triệu đồng; phân cấp cho cấp xã là 437.500 triệu đồng.

b) Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 5.525.000 triệu đồng, cụ thể:

- Tổng thu tiền sử dụng đất được giao trên địa bàn tỉnh năm 2026 là 6.500.000 triệu đồng. Sau khi thực hiện trích nộp ngân sách trung ương theo tỷ lệ quy định (15%) tương ứng 975.000 triệu đồng, tổng nguồn vốn để lại cho ngân sách địa phương chi đầu tư phát triển là 5.525.000 triệu đồng. Mức vốn này tăng 850.000 triệu đồng so với dự toán ngân sách trung ương giao, nhằm đảm bảo nguồn lực thực hiện các dự án hạ tầng trọng điểm.

- Theo nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi thì ngân sách cấp xã được phân cấp 845.853 triệu đồng, để chủ động trong việc thực hiện các chương trình/nhiệm vụ hạ tầng thiết yếu tại cơ sở; ngân sách cấp tỉnh 4.679.147 triệu đồng, để thực hiện các dự án quy mô lớn, liên vùng và các nhiệm vụ đầu tư phát triển khác.

- Đối với chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 4.679.147 triệu đồng, được dự kiến phân bổ như sau:

+ Căn cứ Luật Đất đai, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2024 và Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 01/7/2023 về đẩy mạnh phát triển dữ liệu quốc gia và quản lý nhà nước về đất đai. Trong nguồn thu tiền sử dụng đất để lại ngân sách cấp tỉnh chi đầu tư phát triển, bố trí 468.000 triệu đồng (tương ứng khoảng 10% tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để lại ngân sách cấp tỉnh) để thực hiện công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Khoản chi này nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý đất đai hiện đại, phục vụ hiệu quả công tác quy hoạch, bồi thường giải phóng mặt

bằng và đầu giá quyền sử dụng đất. Đây là tiền đề quan trọng để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, giảm thiểu tranh chấp và tạo nguồn thu bền vững, ổn định cho ngân sách trong những năm tiếp theo.

+ Tiết kiệm 5% chi đầu tư phát triển theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là 604.745 triệu đồng;

+ Phần còn lại, sử dụng để bố trí cho 10 dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn với tổng số tiền là 4.330 triệu đồng; bố trí cho 111 dự án chuyển tiếp với tổng số tiền là 2.775.817 triệu đồng; bố trí khởi công mới cho 25 dự án với tổng số tiền là 826.255 triệu đồng.

c) Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 5.800.000 triệu đồng, tăng 100.000 triệu đồng so với dự toán được trung ương giao.

Việc bố trí vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025, theo đó ưu tiên sử dụng nguồn xổ số kiến thiết cho các lĩnh vực giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, cụ thể: Bố trí cho 44 dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn với tổng số tiền là 38.263 triệu đồng, trong đó: Lĩnh vực y tế là 10.187 triệu đồng; lĩnh vực giáo dục là 25.172 triệu đồng; bố trí cho 69 dự án chuyển tiếp với tổng số tiền là 4.610.737 triệu đồng, trong đó: Lĩnh vực y tế là 40.798 triệu đồng; lĩnh vực giáo dục là 379.003 triệu đồng; đối ứng Chương trình MTQG là 500.000 triệu đồng; bố trí cho Ngân hàng chính sách xã hội là 250.000 triệu đồng; bố trí khởi công mới cho 09 dự án với tổng số tiền là 211.000 triệu đồng, trong đó dự kiến bố trí: Lĩnh vực y tế là 70.000 triệu đồng; lĩnh vực giáo dục là 141.000 triệu đồng; Chưa phân bổ (thông báo sau) là 190.000 triệu đồng.

d) Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (vay lại của Chính phủ vay nước ngoài) là 138.000 triệu đồng; trong đó: Bố trí cho 03 dự án chuyển tiếp với tổng số tiền là 115.241 triệu đồng; bố trí cho 01 dự án khởi công mới là 22.759 triệu đồng (*Đối ứng dự án ODA: Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 - Hợp phần tỉnh Đắk Nông*).

(Chi tiết như Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2026 theo cấp ngân sách

2.1. Cấp tỉnh là 13.938.202 triệu đồng, việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2026 cấp tỉnh được xây dựng tuân thủ nghiêm thủ tự ưu tiên theo Điều 54 Luật Đầu tư công năm 2024, cụ thể theo các nhóm sau:

a) Nhóm chương trình mục tiêu quốc gia (*điểm b khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công*)

- Đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia với số tiền là 500.000 triệu đồng. Mức vốn đề xuất này phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và cao hơn so với mức vốn đối ứng năm 2025, qua đó góp phần bảo đảm tính liên tục, ổn định và hiệu quả trong tổ chức thực hiện các Chương

trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Năm 2025, tổng kế hoạch vốn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh là 1.918.528 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương bố trí 1.443.800 triệu đồng và ngân sách địa phương đối ứng là 474.728 triệu đồng, qua đó đã bảo đảm nguồn lực để triển khai đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình. Đến thời điểm hiện nay, Trung ương chưa thông báo kế hoạch vốn dự kiến cho năm 2026 (*theo số liệu tỉnh đã lập dự toán đề xuất với trung ương thì vốn đối ứng năm 2026 của địa phương dự kiến là 715 tỷ đồng*). Do đó, nhằm chủ động trong công tác chuẩn bị nguồn lực, bảo đảm kịp thời vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trong năm 2026, đề xuất bố trí 500.000 triệu đồng từ ngân sách địa phương (nguồn thu xổ số kiến thiết).

b) Hoàn trả vốn ứng trước (*điểm c khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công*)

Qua rà soát, không có đơn vị/chủ đầu tư nào báo cáo/đề xuất bố trí ngân sách địa phương để hoàn ứng kinh phí đã ứng trước mà chỉ đề xuất chi trả nợ gốc các khoản vay lại, vay chính quyền địa phương đến hạn phải trả với số tiền là 40.600 triệu đồng.

c) Nhóm dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn (*điểm d khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công*)

- Bố trí kế hoạch vốn năm 2026 cho 83 dự án/nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn là 111.480 triệu đồng. Trong đó, nhiệm vụ thanh quyết toán với số tiền là 50.000 triệu đồng.

- Đây là các dự án đã hoàn thành, đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng, đã và đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn. Các dự án này chủ yếu thuộc các lĩnh vực: Giao thông; Giáo dục; Y tế; Nông nghiệp - thủy lợi, Văn hóa - thể thao, các công trình phúc lợi xã hội tại cơ sở. Phân loại theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, nguyên nhân dẫn đến thiếu vốn gồm: Biến động khách quan về giá vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công so với thời điểm phê duyệt ban đầu; điều chỉnh thiết kế, dự toán theo các kết luận thẩm tra, thẩm định nhằm nâng cao chất lượng công trình, bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện thực tế; kéo dài giải phóng mặt bằng, phải thực hiện bổ sung một số hạng mục, xử lý nền móng, tường chắn, đường tạm... theo đề nghị của địa phương và đơn vị sử dụng công trình.

Việc bố trí đủ phần vốn còn thiếu cho 83 dự án trong kế hoạch vốn năm 2026 là cần thiết, nhằm thực hiện nguyên tắc “thanh toán dứt điểm công trình hoàn thành”, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới.

d) Nhóm chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng và đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP (*điểm đ, e khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công*)

- Năm 2026, tổng kế hoạch vốn đầu tư công vốn nước ngoài (nguồn vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW) dự kiến bố trí để thực hiện 05 dự án là 299.917

triệu đồng, gồm: Có 04 dự án chuyển tiếp với tổng kế hoạch vốn bố trí là 260.145 triệu đồng và 01 dự án khởi công mới (*dự án Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 - Hợp phần tỉnh Đắk Nông*) với kế hoạch vốn bố trí là 39.772 triệu đồng. Việc bố trí kế hoạch vốn như trên cơ bản đáp ứng yêu cầu về cơ cấu nguồn vốn, bảo đảm điều kiện triển khai các dự án đúng tiến độ, hiệu quả và khả thi trong năm 2026.

+ Bên cạnh nguồn vốn nước ngoài, tổng vốn đối ứng để thực hiện các dự án nêu trên năm 2026 là 68.857 triệu đồng, trong đó từ ngân sách Trung ương là 14.121 triệu đồng và từ ngân sách địa phương là 54.736 triệu đồng.

- Đối ứng cho 03 dự án cao tốc theo hình thức PPP là 5.050.438 triệu đồng, gồm: Tân Phú - Bảo Lộc là 3.175.020 triệu đồng; Bảo Lộc - Liên Khương là 1.165.418 triệu đồng và Gia Nghĩa - Chơn Thành là 710.000 triệu đồng.

đ) Nhóm chương trình, dự án chuyển tiếp (*điểm g, h khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công*)

Bố trí kế hoạch vốn năm 2026 cho 283 dự án, nhiệm vụ chuyển tiếp từ giai đoạn 2021–2025 sang giai đoạn 2026–2030 với tổng số vốn 4.192.733 triệu đồng.

Phương án phân bổ vốn năm 2026 chỉ đưa vào kế hoạch các dự án còn đủ điều kiện tiếp tục bố trí vốn. Đối với các dự án chưa được gia hạn thời gian bố trí vốn⁸, giao chủ đầu tư phối hợp với Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2026, bảo đảm không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

e) Nhóm nhiệm vụ quy hoạch và chuẩn bị đầu tư (*điểm i khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công*)

- Bố trí 35.000 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ lập, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Bố trí 100.000 triệu đồng cho công tác chuẩn bị đầu tư để bố trí cho các dự án đảm bảo điều kiện bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo quy định:

+ Năm 2026 là năm đầu của giai đoạn kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 -2030; do đó, nhu cầu vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư là lớn, nhằm kịp thời hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư, tạo điều kiện sớm giao vốn và triển khai thực hiện, giải ngân trong các năm tiếp theo của kỳ trung hạn.

+ Danh mục chi tiết được bố trí vốn chuẩn bị đầu tư năm 2026 sẽ được UBND tỉnh tham mưu trình cấp có thẩm quyền trong Quý I năm 2026, cùng thời điểm trình kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm phù

⁸Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc chậm điều chỉnh, hoàn thiện các quy hoạch có liên quan; chậm hoàn tất thủ tục về đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp phép xây dựng; khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; việc sắp xếp, thay đổi chủ đầu tư sau sáp nhập đơn vị hành chính hoặc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các ban quản lý dự án; phải khảo sát lại, điều chỉnh thiết kế – dự toán, điều chỉnh tổng mức đầu tư để phù hợp điều kiện thực tế và mặt bằng giá mới.

hợp quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn quản lý đầu tư công của tỉnh.

g) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (*điểm k khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công*)

Qua rà soát, không có đơn vị/chủ đầu tư nào báo cáo/đề xuất kinh phí thanh toán nợ của khối lượng trước ngày 01/01/2015.

h) Nhóm chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội (*điểm m khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công*)

Năm 2025, Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương đã bố trí 543.000 triệu đồng để ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh nhằm triển khai các chính sách tín dụng ưu đãi, qua đó đã hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định. Trên cơ sở đánh giá khả năng cân đối ngân sách địa phương và nhu cầu thực tế, năm 2026 đề xuất tiếp tục bố trí 250.000 triệu đồng để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội. Việc bố trí kế hoạch vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi được thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 71/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng, góp phần bảo đảm tính pháp lý, tính thống nhất và hiệu quả trong triển khai các chính sách tín dụng phục vụ phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, đối tượng vay vốn, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và việc xử lý rủi ro đối với các khoản nợ phát sinh được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh và các quy định có liên quan của Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả.

i) Thực hiện tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách địa phương, tương đương 604.745 triệu đồng để bổ sung vốn đầu tư công trình “đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng” theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, cụ thể:

Tổng chi đầu tư phát triển nguồn NSDP được Thủ tướng Chính phủ giao năm 2026 là 12.232.900 triệu đồng (gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản là 1.719.900 triệu đồng; Chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 4.675.000 triệu đồng; Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết là 5.700.000 triệu đồng; Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 138.000 triệu đồng); tổng chi đầu tư phát triển từ nguồn NSDP còn lại là 12.094.900 triệu đồng sau khi loại trừ khoản chi đầu tư từ nguồn bội chi (vay nước ngoài); Trên cơ sở đó, thực hiện tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn NSDP còn lại để bổ sung vốn đầu tư cho công trình “Đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng” theo quy định.

* Đối với vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: Tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025, Thủ tướng Chính phủ phân bổ dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho tỉnh Lâm

Đồng là 2.008.555 triệu đồng, gồm: Vốn trong nước 1.708.638 triệu đồng, vốn nước ngoài 299.917 triệu đồng. Như vậy, so với số liệu thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tại Văn bản số 15929/BTC-NSNN ngày 14/10/2025 của Bộ Tài chính, số vốn được phân bổ của tỉnh Lâm Đồng đã giảm 5%.

k) Nhóm dự án khởi công mới (*điểm n khoản 4 Điều 54 và Điều 55 Luật Đầu tư công*)

Tổng nhu cầu vốn chuẩn bị đầu tư và khởi công mới năm 2026 do các cơ quan, đơn vị đề xuất là 3.849.422 triệu đồng với 330 dự án. Qua rà soát cho thấy, phần lớn các dự án đề xuất khởi công mới hiện chưa hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định, đang trong quá trình điều chỉnh quy hoạch, lập hoặc hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi, hoàn tất thủ tục đất đai, môi trường hoặc chờ ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn; do đó chưa đủ cơ sở pháp lý và thực tiễn để khẳng định mức độ phù hợp với Quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển của tỉnh Lâm Đồng sau sáp nhập đơn vị hành chính.

Việc xem xét, lựa chọn dự án khởi công mới được thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đầu tư công, tập trung vào các dự án đáp ứng tiêu chí chủ yếu: (1) Hoàn thành đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật; (2) Phù hợp với Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030; (3) Có tính cấp thiết, dự án trọng điểm có tác động lan tỏa, ưu tiên các lĩnh vực giáo dục, y tế, hạ tầng giao thông thiết yếu, phòng chống thiên tai, cấp thoát nước và công trình phúc lợi xã hội; (4) Có khả năng triển khai và giải ngân trong năm 2026, mặt bằng cơ bản sẵn sàng, đủ điều kiện tổ chức lựa chọn nhà thầu và thi công; (5) Không bố trí vốn đối với các dự án chưa đủ điều kiện pháp lý hoặc đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2026, yêu cầu định hướng phát triển và các quy định hiện hành, đề xuất dự nguồn 1.037.255 triệu đồng để bố trí khởi công mới 34 dự án (*Chi tiết như Phụ lục số 05 đính kèm*). Việc giao kế hoạch vốn chỉ thực hiện sau khi từng dự án hoàn thiện đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định và hạn chế tối đa rủi ro phải điều chỉnh kế hoạch trong quá trình thực hiện.

1) Đối với 190.000 triệu đồng (nguồn thu xổ số kiến thiết) còn lại, tạm thời chưa phân bổ chi tiết tại thời điểm xây dựng kế hoạch nhằm bảo đảm tuân thủ nghiêm các điều kiện bố trí vốn quy định tại Điều 54 và Điều 55 Luật Đầu tư công, tránh tình trạng phân bổ dàn trải, bố trí vốn cho dự án chưa đủ điều kiện pháp lý, dẫn đến rủi ro phải điều chỉnh kế hoạch hoặc làm giảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Trong đó, cần tiếp tục rà soát, xác định rõ phạm vi, đối tượng và cơ sở pháp lý của các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của cấp huyện, cấp xã trước khi sáp nhập hiện còn chuyển tiếp và cần hoàn thành trong năm 2026; đồng thời, đối với một số dự án dự kiến khởi công mới, phải tiếp tục rà soát sự phù hợp với Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021–2030,

tầm nhìn đến năm 2050, sau sáp nhập và hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, thẩm định chủ trương đầu tư, thiết kế – dự toán, đất đai, môi trường theo quy định.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức rà soát, hoàn thiện hồ sơ các dự án, nhiệm vụ liên quan và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phương án phân bổ chi tiết trong quý I năm 2026, thực hiện đồng thời với việc trình kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030, bảo đảm tuân thủ đúng điều kiện bố trí vốn, đúng thẩm quyền và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong công tác điều hành và phân bổ kế hoạch vốn.

2.2. Chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp xã năm 2026 được hình thành từ 03 nguồn chủ yếu, bảo đảm thống nhất trong quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với cơ chế phân cấp, gồm:

a) Nguồn vốn đầu tư tập trung của ngân sách tỉnh phân cấp cho cấp xã theo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng là 437.500 triệu đồng, dùng để thực hiện các nhiệm vụ, dự án đầu tư phát triển thuộc trách nhiệm của cấp xã.

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất được để lại cho ngân sách cấp xã theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách là 845.853 triệu đồng, ưu tiên bố trí cho các công trình hạ tầng thiết yếu, công trình phúc lợi, dịch vụ công cơ bản trên địa bàn.

(Chi tiết như Phụ lục số 04 đính kèm)

3. Cơ cấu phân bổ vốn năm 2026 theo ngành, lĩnh vực

Việc xây dựng cơ cấu phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2026 được thực hiện trên cơ sở bám sát quy định và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030; bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các lĩnh vực có tính chất động lực, đồng thời tạo sự chuyển biến thực chất trong các lĩnh vực xã hội, môi trường và an sinh - những yếu tố quyết định chất lượng phát triển bền vững. Theo đó, cơ cấu vốn đầu tư phát triển năm 2026 của tỉnh Lâm Đồng (không bao gồm nguồn vốn được phân cấp cho cấp xã) bố trí cho một số ngành, lĩnh vực, cụ thể như sau:

3.1. Lĩnh vực giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 712.584 triệu đồng. Nguồn vốn tập trung cho đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và cải thiện điều kiện học tập, phù hợp với định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tổng nguồn lực ngân sách dành cho lĩnh vực giáo dục – đào tạo và dạy nghề năm 2026 là 14.778.192 triệu đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển: 712.584 triệu đồng; chi thường xuyên: 14.065.608 triệu đồng. Mức bố trí này cao hơn mức Trung ương giao, đồng thời bảo đảm đáp ứng yêu cầu định hướng phát triển giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

3.2. Năm 2026, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển

đổi số: 688.597 triệu đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển là 290.100 triệu đồng; chi thường xuyên là 398.497 triệu đồng. Mức bố trí này cao hơn mức Trung ương giao, ngoài ra tại Quyết định số 2137/QĐ-TTg ngày 26/9/2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao bổ sung có mục tiêu cho tỉnh Lâm Đồng là 312.402 triệu đồng để thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW (giao vào cuối năm 2025 và được chuyển tiếp sang năm 2026).

Như vậy, tổng nguồn lực dành cho khoa học và công nghệ năm 2026 sẽ là 1.000.999 triệu đồng, cơ bản đáp ứng theo yêu cầu của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, nhằm thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ, công nghệ số và đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, dịch vụ; góp phần gia tăng năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

3.3. Chi y tế, dân số và gia đình: 226.610 triệu đồng, tập trung nâng cấp hạ tầng y tế cơ sở, hoàn thiện trang thiết bị, tăng năng lực chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa và nhóm yếu thế, phù hợp mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công. Việc bố trí kế hoạch vốn cho lĩnh vực y tế, dân số và gia đình trong năm 2026 theo tỷ lệ nêu trên đảm bảo yêu cầu định hướng của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

3.4. Chi Quốc phòng và chi an ninh, trật tự an toàn xã hội: 68.611 triệu đồng, bảo đảm yêu cầu củng cố tiềm lực quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, đặc biệt tại các địa bàn trọng điểm, biên giới, khu vực dự án lớn.

3.5. Chi các hoạt động kinh tế: 11.608.843 triệu đồng. Việc tập trung tỷ trọng cao cho lĩnh vực kinh tế, nhất là giao thông và hạ tầng thiết yếu, xuất phát từ yêu cầu hoàn thành các dự án trọng điểm, các công trình liên vùng, các dự án chuyển tiếp có khối lượng lớn, nhằm tạo dư địa phát triển, thúc đẩy tăng trưởng và làm cơ sở huy động các nguồn lực ngoài ngân sách trong các giai đoạn tiếp theo. Trong đó:

a) Chi giao thông: 9.323.722 triệu đồng, tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn để hoàn thiện mạng lưới giao thông, tăng kết nối liên vùng, giảm chi phí vận chuyển và tạo quỹ đất phát triển đô thị - công nghiệp.

b) Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản: 1.387.589 triệu đồng, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng chống thiên tai, nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và thích ứng biến đổi khí hậu.

c) Chi nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: 35.000 triệu đồng.

d) Phần còn lại dành cho hạ tầng kinh tế khác, bao gồm: hạ tầng khu – cụm công nghiệp, hạ tầng du lịch, hạ tầng chuyển đổi số, các dự án phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển vùng nguyên liệu chiến lược.

3.6. Chi bảo vệ môi trường: 70.064 triệu đồng, tương đương khoảng 0,5% tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển, dành cho xử lý chất thải, cải thiện môi

trường khu dân cư, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó biến đổi khí hậu - phù hợp yêu cầu nâng cao chất lượng phát triển gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

3.7. Các lĩnh vực văn hóa – xã hội và hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Bố trí 720.790 triệu đồng, bao gồm đầu tư phát triển thiết chế văn hóa – thông tin, phát thanh – truyền hình, thể dục – thể thao; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng và các đoàn thể; đồng thời bố trí cho hạ tầng an sinh xã hội, chăm lo đối tượng chính sách và hỗ trợ giảm nghèo bền vững.

3.8. Chi đầu tư khác: Bố trí 240.600 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và các nhiệm vụ đặc thù, phát sinh theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; việc bố trí và sử dụng vốn được kiểm soát chặt chẽ nhằm tránh phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Nhìn chung, cơ cấu bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2026 theo ngành, lĩnh vực bám sát thứ tự ưu tiên theo quy định, tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực có tính chất động lực, qua đó tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng và mở rộng không gian phát triển của tỉnh. Bên cạnh đó, các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, bảo vệ môi trường, văn hóa – xã hội, quốc phòng – an ninh được bố trí nguồn lực ở mức cần thiết; tuy nhiên, do khả năng cân đối ngân sách còn hạn chế và yêu cầu tập trung vốn cho các dự án động lực, tỷ trọng bố trí cho một số lĩnh vực chưa đạt mức định hướng mong muốn trong năm đầu của kỳ trung hạn mới. Trong các năm sau, khi điều kiện nguồn lực cho phép và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 được phê duyệt, tỉnh sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh cơ cấu phân bổ vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng cho các lĩnh vực này, phù hợp với các chủ trương, nghị quyết của Đảng và yêu cầu phát triển bền vững.

*(Chi tiết như Phụ lục số 02 đính kèm – Mẫu số 46
kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP)*

4. Về ưu tiên đề xuất bố trí vốn cho các dự án trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025-2030 xác định phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại là một trong ba khâu đột phá chiến lược. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành danh mục hơn 30 dự án trọng điểm giai đoạn 2025-2030 thuộc bốn nhóm lĩnh vực chủ chốt. Qua rà soát đối chiếu với kế hoạch vốn năm 2026, tình hình bố trí vốn đối với các dự án trọng điểm như sau:

4.1. Tại thời điểm xây dựng kế hoạch 2026, chỉ có một số dự án trọng điểm thuộc nhóm giao thông và thủy lợi đủ điều kiện đưa vào chuyển tiếp, gồm:

a) Nhóm giao thông chiến lược: Cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc; Cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương; Cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa – Chơn Thành; các đoạn tuyến thuộc trục giao thông động lực; một số tuyến đường tỉnh như ĐT.721, ĐT.725, một số đoạn ĐT.722, các tuyến ven hồ và tuyến kết nối liên vùng.

b) Nhóm nông nghiệp - tài nguyên - môi trường: Một số hạng mục nâng cấp hồ chứa, tiêu thoát lũ, kè chống sạt lở đang thực hiện theo phân kỳ 2024-2027; một số dự án thủy lợi và cấp nước sinh hoạt đã hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2024-2025, hiện đang tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

Các dự án này đã hoàn thiện thủ tục đầu tư, đang thi công hoặc chuẩn bị thi công và được đưa vào danh mục chuyển tiếp theo đúng nguyên tắc tại Điều 54 Luật Đầu tư công.

4.2. Một số dự án trọng điểm có vai trò chiến lược nhưng chưa được bố trí vốn năm 2026 do chưa hoàn thiện thủ tục theo Điều 52 và Điều 53 Luật Đầu tư công năm 2024, gồm:

a) Chưa hoàn tất thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư: Cao tốc Đà Lạt – Nha Trang (đoạn qua Lâm Đồng); các khu đô thị trung tâm mới sau hợp nhất (Đà Lạt - Bảo Lộc - Gia Nghĩa); trung tâm hành chính tỉnh mới và khu đô thị trung tâm; hệ thống xử lý nước thải và cấp nước đô thị loại I-II cho Đà Lạt, Đức Trọng, Gia Nghĩa và Phan Thiết (trước sáp nhập).

b) Đang trong quá trình rà soát, điều chỉnh thiết kế - dự toán theo yêu cầu thẩm định: Bệnh viện Đa khoa tỉnh (giai đoạn 2 - đang điều chỉnh tổng mức đầu tư); Bệnh viện Ung bướu tỉnh (đang thẩm định thiết kế); hệ thống trường nghề chất lượng cao tại ba vùng Đà Lạt - Bảo Lộc - Gia Nghĩa.

c) Vương mắc đất đai - pháp lý: Nhiều khu đô thị động lực chưa hoàn thành thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất; chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết 1/2000 hoặc 1/500; các khu tái định cư phục vụ dự án cao tốc chưa hoàn tất hồ sơ đất đai.

d) Một số dự án trọng điểm chưa được UBND tỉnh giao lập đề xuất đầu tư, do: Chưa hoàn thiện quy hoạch tỉnh và quy hoạch đô thị; chưa xác định mô hình đầu tư (đầu tư công, PPP, xã hội hóa); chưa xác định đơn vị chủ đầu tư hoặc đơn vị chuẩn bị đầu tư.

4.3. Định hướng bố trí vốn:

a) Đưa các dự án trọng điểm đã hoàn thiện thủ tục vào danh mục chuyển tiếp để tiếp tục bố trí vốn ổn định trong kế hoạch trung hạn 2026–2030.

b) Các dự án chưa đủ điều kiện pháp lý sẽ được hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ thông qua 100.000 triệu đồng vốn chuẩn bị đầu tư năm 2026.

c) Xem xét ưu tiên khởi công mới một số dự án trong tổng số 30 dự án khởi công mới năm 2026. Sau khi từng dự án hoàn thiện đầy đủ thủ tục theo quy định, đảm bảo tính khả thi và phù hợp mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh sẽ giao chi tiết kế hoạch vốn để các Chủ đầu tư triển khai kịp thời.

III. Các giải pháp chủ yếu để tổ chức thực hiện

Việc triển khai kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2026 theo phương án

nêu trên sẽ góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về đầu tư phát triển trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030; tạo động lực tăng trưởng mới, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các tuyến giao thông quan trọng, tăng cường kết nối nội vùng, liên vùng, rút ngắn thời gian di chuyển, giảm chi phí logistics, qua đó thu hút đầu tư, phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp; cải thiện đáng kể chất lượng dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường sống; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng cuộc sống của người dân; Tạo hiệu ứng lan tỏa trong thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách; thúc đẩy các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư phát triển hạ tầng theo hình thức PPP hoặc các mô hình hợp tác khác; góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Theo đó, trong năm 2026 **UBND tỉnh sẽ** chỉ đạo các cơ quan, đơn vị địa phương tập trung:

1. Rà soát, cập nhật, cụ thể hóa đầy đủ các quy định mới của Luật Đầu tư công năm 2024, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các nghị định hướng dẫn; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định, quy trình nội bộ của tỉnh nhằm đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ nhưng vẫn bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định.

2. Tập trung nâng cao chất lượng khảo sát, lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế, dự toán; hạn chế tối đa việc điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế, tổng mức đầu tư trong quá trình thực hiện. Phân bổ đủ, kịp thời vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư, lập, điều chỉnh quy hoạch.

3. Xác định công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là khâu đột phá để đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư, nhất là dự án giao thông trọng điểm. Tăng cường tuyên truyền, vận động, đối thoại với người dân; kịp thời giải quyết khiếu nại, kiến nghị; bố trí đủ quỹ đất tái định cư và nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, bảo đảm ổn định đời sống người dân.

4. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế, dự toán; tăng cường kiểm soát chi phí, tránh lãng phí, thất thoát. Tăng cường vai trò của tư vấn giám sát, giám sát cộng đồng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về chất lượng công trình.

5. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh; thực hiện số hóa toàn bộ vòng đời dự án; áp dụng hệ thống báo cáo, theo dõi, cảnh báo tiến độ, giải ngân trực tuyến; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước và các chủ đầu tư.

6. Gắn kết quả giải ngân, chất lượng thực hiện dự án với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển cán bộ. Kiên quyết thay thế cán bộ, công chức, viên chức yếu kém, nhũng nhiễu, gây phiền hà, cản trở việc triển khai dự án. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật, kỷ cương tài chính, đầu tư công.

7. Tổ chức các đoàn kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các dự án trọng

điểm, dự án giải ngân chậm; tập trung vào các khâu dễ phát sinh rủi ro, tiêu cực như lựa chọn nhà thầu, điều chỉnh dự án, giải phóng mặt bằng, nghiệm thu, thanh toán khối lượng. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư nơi có dự án.

8. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, chuyên sâu về pháp luật, nghiệp vụ quản lý đầu tư công, quản lý dự án, đấu thầu, thanh toán, quyết toán, kiểm soát chi ngân sách cho đội ngũ cán bộ ở các sở, ngành, cấp xã và chủ đầu tư, ban quản lý dự án. Khuyến khích hình thành đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, có kinh nghiệm, gắn bó lâu dài với lĩnh vực đầu tư công.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2026. UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến và thông qua Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, làm cơ sở pháp lý để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm đồng bộ với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 và các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh (*như Dự thảo Nghị quyết kèm theo*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Hiệp